

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19/2019/HS-ST**
Ngày 22-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hồng

2. Ông Nguyễn Phi Đính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2019/TLST-HS ngày 22/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 08/4/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Thị Phi N**, sinh ngày 12/6/1961, tại thành phố Đ; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường B, thị xã B tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn Bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Nh (đã chết) và bà Võ Thị L (đã chết); chồng tên Nguyễn Ngọc T (đã chết); bị cáo có 05 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H'N A, sinh năm 1974; trú tại: Buôn B, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1974; trú tại: Thôn S, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
3. Anh Lương Xuân T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn V, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
4. Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1991; trú tại: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
5. Anh Lý Văn H1, sinh năm 1982; trú tại: Thôn N, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị Phi N sinh năm 1961, trú tại số nhà 1617 đường H, Tổ dân phố (TDP) A, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, làm nghề kinh doanh, nước uống giải khát và cà phê trước nhà ở của mình. Trong quá trình kinh doanh có đối tượng H' N A (thường gọi là Q) sinh năm 1974 trú tại Buôn Đ, phường T, thị xã B và Nguyễn Thị Mai L (thường gọi là L') sinh năm 1974 trú tại thôn S, xã C, thị xã B hay đến quán để uống nước, nên N biết được hai đối tượng này là gái bán dâm, do đó đã nảy sinh ý định khi nào có khách mua dâm thì N liên hệ với H' N A và L đến để thực hiện việc mua bán dâm tại phòng ngủ nhà ở của mình nhằm thu lợi bất chính, sau đó N xin số điện thoại của H' N A và L để giao dịch việc mua bán dâm. Ngày 03/01/2019, Lương Xuân T sinh năm 1988, trú tại thôn V, xã E, thị xã B, Nguyễn Hoàng H sinh năm 1991, trú tại TDP X, phường A, thị xã B và Lý Văn H1 sinh năm 1982, trú tại thôn N, xã E, thị xã B là bạn bè với nhau, rủ nhau góp mỗi người 500.000 đồng để đi nhậu tại xã E, thị xã B và thống nhất giao cho H1 cầm tiền để thanh toán tiền ăn nhậu. Sau khi cùng ăn nhậu tại xã E hết 400.000 đồng, còn dư số tiền 1.100.000 đồng nên tiếp tục rủ nhau đi ra quán của N để nhậu và mua dâm. (Vì quá trình sinh sống H, T và H1 biết được tại quán của N có gái bán dâm). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày T, H và H1 đi đến quán của N, đến nơi cả nhóm gọi bia ra uống và mời N cùng ngồi uống; trong lúc ngồi uống bia thì H1 hỏi N *“Có em út gì không”* (có gái bán dâm không) thì N trả lời *“Có”*; H1 tiếp tục nói *“Có em út thì tìm cho 03 em”*, N trả lời *“Có 02 gái bán dâm thôi, nhưng hơi già”*,

thì H1 bảo N cứ gọi đến được thì mua dâm, còn không thì thôi nên N đồng ý và thống nhất thỏa thuận giá bán dâm mỗi lượt 200.000 đồng (trong đó gái bán dâm được hưởng 150.000 đồng, N lấy tiền phòng 50.000 đồng), rồi N dùng điện thoại nhãn hiệu LVMobile màu trắng, số thuê bao 0357345915 của mình gọi điện thoại cho H' N A và Nguyễn Thị Mai L đến để bán dâm cho khách thì H' N A và L đồng ý. Khoảng 30 phút sau H' N A và L đến quán thì thấy H1, H, T cùng N đang ngồi nhậu. Do nhà của N chỉ có một phòng ngủ nên N bố trí cho H' N A và T vào thực hiện việc mua bán dâm trước, khoảng 20 phút sau, sau khi mua bán dâm xong T và H' N A đi ra, thì N tiếp tục bố trí cho L và H vào thực hiện việc mua bán dâm, trong lúc L và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì H1, T, H' N A và N đang ngồi chơi tại quán; do gái bán dâm già nên H không thực hiện việc mua dâm nữa mà trả tiền cho N hết 600.000 đồng (trong đó tiền mua dâm của T và H 400.000 đồng tiền và 200.000 đồng tiền nhậu). Khi L và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng ngủ của gia đình N thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B phát hiện bắt quả tang tạm giữ người cùng tang vật.

Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 22/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã B, kết luận: Căn phòng mà bị cáo sử dụng làm địa điểm chứa mại dâm có giá trị là 15.142.000đ.

Vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

+ Thu tại phòng chứa mại dâm 02 bao cao su đã qua sử dụng.

+Thu giữ trên người của bị cáo Võ Thị Phi N số tiền 400.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LV Mobile màu trắng; thu giữ trên người của H' N A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Intex màu trắng và thu giữ trên người của Nguyễn Thị Mai L 01 chiếc điện thoại di động hiệu CoGo C35 màu đỏ đen.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKSBH ngày 21/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố bị cáo Võ Thị Phi N về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Võ Thị Phi N đủ yếu tố cấu thành tội “*Chứa mại dâm*”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật

Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thị Phi N từ 18 tháng đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng như quyết định truy tố của cáo trạng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố bị cáo về tội “Chứa mại dâm”.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều khai nhận tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Xét lời khai của bị cáo đều phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 03/01/2019, Võ Thị Phi N đã dùng căn phòng của mình bố trí cho H' N A và Nguyễn Thị Mai L mua bán dâm với Lương Xuân T và Nguyễn Hoàng H để thu lợi bất chính.

Vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào chứa mại dâm thì phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, đạo đức xã hội mà còn xâm phạm đến đời sống văn hóa, thuần

phong mỹ tục của nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, số tiền thu lợi bất chính đã được giao nộp trong quá trình điều tra, bản thân bị cáo là phụ nữ, sức khỏe bị giảm sút, điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, vai trò hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện là phù hợp Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, nghề nghiệp thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 bao cao su, thu tại phòng chứa mại dâm đã qua sử dụng. Đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy là phù hợp với khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với số tiền 400.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LV Mobile màu trắng của bị cáo Võ Thị Phi N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Intex màu trắng của H' N A; 01 chiếc điện thoại di động hiệu CoGo C35 màu đỏ đen của Nguyễn Thị Mai L, đây là số tiền thu lợi bất chính và công cụ, phương tiện dùng để phạm tội, nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với phòng ngủ mà bị cáo sử dụng làm địa điểm chứa mại dâm. Kết quả điều tra cho thấy, đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, do đó cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước giá trị căn phòng theo kết luận định giá tương ứng số tiền 15.142.000 đồng (*mười lăm triệu, một trăm, bốn mươi hai ngàn đồng*).

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Võ Thị Phi N** phạm tội “Chứa mại dâm”.

[1] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Võ Thị Phi N **02 (hai) năm** tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/4/2019). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng: *Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.*

+ Tịch thu và tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng.

+Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LV Mobile màu trắng vừa bị cáo Võ Thị Phi N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Intex màu trắng của của H’ N A; 01 chiếc điện thoại di động hiệu CoGo C35 màu đỏ đen của Nguyễn Thị Mai L.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước giá trị căn phòng với số tiền 15.142.000 đồng (*mười lăm triệu, một trăm, bốn mươi hai ngàn đồng*) mà bị cáo dùng làm địa điểm chứa mại dâm. Buộc bị cáo Võ Thị Phi N phải nộp 15.142.000 đồng (*mười lăm triệu, một trăm, bốn mươi hai ngàn đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

[3] Về án phí: *Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Bị cáo Võ Thị Phi N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Bị cáo; đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn